

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **952** /SNV-CCVC
Về việc tổ chức thi thăng hạng CDNN
giảng viên chính (hạng II) năm 2017.

Bắc Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2017

Kính gửi:

- Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự;
- Trường Cao đẳng Nghề công nghệ Việt - Hàn.

Căn cứ Công văn số 3847/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 22/8/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I), giảng viên chính (hạng II) năm 2017;

Căn cứ Danh sách viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) năm 2016, Sở Nội vụ đề nghị Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự và Trường Cao đẳng Nghề công nghệ Việt - Hàn thực hiện rà soát:

- Viên chức đáp ứng đủ Điều kiện dự thi theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT ngày 21/7/2017 và quy định chi tiết tại Công văn số 2102/BGDĐT-NGCBQLCSGD ngày 13/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Viên chức được miễn thi Ngoại ngữ và Tin học theo Công văn số 3847/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 22/8/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phải bổ sung thêm hồ sơ để chứng minh (nếu có).

Các trường lập danh sách đăng ký và bổ sung hồ sơ dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) năm 2017 theo Mẫu số 4a (đính kèm) gửi về Sở Nội vụ trước ngày **04/9/2017** (đồng thời, gửi file danh sách bản mềm về hộp thư điện tử: trangnm_snv@bacgiang.gov.vn để Sở tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

(Kèm theo Công văn số 3847/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 22/8/2017)

Nơi nhận:

- Lưu: VT, CCVC.

Bản điện tử:

- Như Kính gửi;

- Đ/c Thông Phó Giám đốc:

- dongnq_snv; trangnm_snv.



Bùi Ngọc Sơn

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN
 DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ GIẢNG VIÊN (HẠNG III) LÊN GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) NĂM 2017
 (Kèm theo Công văn số 352 /SNV-CCVC ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Sở Nội vụ tỉnh Bắc Giang)**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kê cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Có đề án, công trình khoa học theo quy định	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Khối ngành
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giảng viên	Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II)	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Nguyễn Thị A		01.01.1968							Có	Có			Đủ		TNNN		1
2																		
3																		

Danh sách này có: . . . người.

... , ngày ... tháng ... năm 2017

Thủ trưởng Cơ quan, đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN
DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ GIÁNG VIÊN (HẠNG III) LÊN GIÁNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) NĂM 2016**

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Có đề án, công trình khoa học	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giảng viên	Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I. Trường Cao Đẳng Ngô Gia Tự																		
1	Vũ Đức Huy	27/11/1976		TBM	BM LLCT	16	3.99	V.07.01.03	Th.Sỹ	X		B		X			Tiếng Anh	Đủ ĐK
2	Trần Quyết Thắng	02/03/1978		GV	BM LLCT	12	3.66	V.07.01.03	Th.Sỹ	X		B	B1	X			Tiếng Anh	Đủ ĐK
3	Nguyễn Văn Thọ	08/03/1970		GV	N-H-TD	12	4.32	V.07.01.03	Th.Sỹ	X		B	B1	X			Tiếng Anh	Đủ ĐK
4	Nguyễn Ngọc Hạnh		09/08/1977	GV	N-H-TD	12	3.99	V.07.01.03	Th.Sỹ	X		B	B2	X			Tiếng Anh	Đủ ĐK
5	Nguyễn Văn Tĩnh	05/09/1971		Phó TK	N-H-TD	12	4.32	V.07.01.03	Th.Sỹ	X		B	B2	X			Tiếng Anh	Đủ ĐK
6	Nguyễn Thị Xuyên		09/01/1978	GV	KHTN	15	3.66	V.07.01.03	Th.Sỹ	X		B	B2	X			Tiếng Anh	Đủ ĐK
7	Đoàn Thị Thu Hương		10/10/1980	GV	KHTN	14	3.66	V.07.01.03	Th.Sỹ	X		B	B1	X			Tiếng Anh	Đủ ĐK
8	Lê Tú Yên		01/11/1976	Phó TK	KHTN	16	3.99	V.07.01.03	Th.Sỹ	X		B		X			Tiếng Anh	Đủ ĐK
9	Đỗ Thúy Hòa		01/07/1976	GV	KHTN	16	3.99	V.07.01.03	Th.Sỹ	X		B	B1	X			Tiếng Anh	Đủ ĐK

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Có đề án, công trình khoa học	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giảng viên	Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
10	Phạm Thị Tuyết Nga		18/10/1978	Phó TK	KHXH&N V	14	3.66	V.07.01.03	Th.Sỹ	X		B	B2	X			Tiếng Anh	Đủ ĐK
11	Nguyễn Xuân Trường	30/05/1977		GV	ĐT-KH &HTQT	15	3.66	V.07.01.03	Th.Sỹ	X		B	B2	X			Tiếng Anh	Đủ ĐK
12	Nguyễn Thị Thùy		09/08/1976	Phó TP	ĐT-KH &HTQT	17	3.99	V.07.01.03	Th.Sỹ	X		B	B2	X			Tiếng Anh	Đủ ĐK
13	Nguyễn Thị Thanh Hương		08/11/1975	GV	TH-MN	12	3.99	V.07.01.03	Th.Sỹ	X		B		X			Tiếng Pháp	Đủ ĐK
14	Ngô Thị Thu Hương		28/07/1976	GV	NN	16	3.99	V.07.01.03	TS	X		B	B2	X			Tiếng Nga	Đủ ĐK
15	Dương Văn Thắng	09/08/1974		Phó TP	BD&QLH VLVH	15	3.99	V.07.01.03	Th.Sỹ			B	B1	X			Tiếng Anh	Đủ ĐK
16	Nguyễn Tiến Khang	10/01/1976		GV	NN	11	4.32	V.07.01.03	Th.Sỹ	X		B		X			Tiếng Nga	Đủ ĐK
17	Đương Thị Minh Ngọc		10/06/1974	GV	NN	11	4.32	V.07.01.03	Th.Sỹ			B		X			Tiếng Nga	Đủ ĐK
18	Đinh Thị Hồng Kiên		21/01/1980	GV	TH-MN	11	3.66	V.07.01.03	Th.Sỹ	X		B	B1	X			Tiếng Anh	Đủ ĐK
II. Trường Cao đẳng Nghề công nghệ Việt - Hàn																		
1	Hán Thị Hương Giang		12/09/1978	Phó TP	Trung tâm HRDC	13	3.33	V.07.01.03	Th.Sỹ	x		B	B1	X			Tiếng Anh	Đủ ĐK

DỰ KIẾN ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC CÁC KỲ THI THĂNG HẠNG

(Trích Công văn số 2102/BGDĐT-NGCBQLCSGD ngày 13/5/2016)

**1. Đối với kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính:
Dự kiến tổ chức thành 7 đợt tại 7 cụm thi như sau:**

- **Cụm thi số 1:** Dự kiến tổ chức tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên (Tỉnh Thái Nguyên), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 11 tỉnh/thành phố: Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La và Thái Nguyên.

- **Cụm thi số 2:** Dự kiến tổ chức tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Tp. Hà Nội), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 14 tỉnh/thành phố: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hòa Bình, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình và Ninh Bình.

- **Cụm thi số 3:** Dự kiến tổ chức tại Trường Đại học Vinh (Nghệ An), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 4 tỉnh/thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình.

- **Cụm thi số 4:** Dự kiến tổ chức tại Đại học Đà Nẵng (Tp. Đà Nẵng), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 6 tỉnh/thành phố: Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi và Kon Tum.

- **Cụm thi số 5:** Dự kiến tổ chức tại Trường Đại học Nha Trang (Khánh Hòa), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 8 tỉnh/thành phố: Bình Định, Gia Lai, Phú Yên, Đắk Lắk, Đắk Nông, Khánh Hòa, Lâm Đồng và Ninh Thuận.

- **Cụm thi số 6:** Dự kiến tổ chức tại Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh (Tp. Hồ Chí Minh), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 7 tỉnh/thành phố: Bình Thuận, Bình Phước, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu.

- **Cụm thi số 7:** Dự kiến tổ chức tại Trường Đại học Cần Thơ (Tp. Cần Thơ), bao gồm các trường đóng trên địa bàn thuộc 13 tỉnh/thành phố: Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Đồng Tháp, Trà Vinh, An Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang và Cà Mau.

2. Đối với kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp: Dự kiến tổ chức tập trung tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Tp. Hà Nội).

Số: ~~3847~~/BGDDĐT-NGCBQLGD
V/v tổ chức thi thăng hạng CDNN
giảng viên cao cấp (hạng I), giảng
viên chính (hạng II) năm 2017

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2017

Kính gửi:



- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các cơ sở giáo dục đại học và trường cao đẳng sư phạm công lập.

Thực hiện Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (Nghị định số 29/2012/NĐ-CP), Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp (CDNN) viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập (Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV); trên cơ sở ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ, ngày 13/5/2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn gửi các Bộ, ngành, địa phương về việc tổ chức thi thăng hạng năm 2016 (Công văn số 2102/BGDĐT-NGCBQLCSGD). Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai công việc liên quan tới công tác tổ chức kỳ thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp, giảng viên chính (Quyết định số 1705/QĐ-BNV ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc thành lập Hội đồng thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 2072/QĐ-BGDĐT ngày 20/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Hội đồng thi thăng hạng CDNN từ giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) năm 2016) và đã rà soát, tổng hợp danh sách giảng viên dự thi thăng hạng CDNN gửi Bộ Nội vụ để thẩm định theo quy định.

Ngày 21/7/2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT Quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập (Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT). Để tiếp tục triển khai kỳ thi thăng hạng nói trên vào năm 2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo một số nội dung sau:

I. THI THĂNG HẠNG TỪ GIẢNG VIÊN (HẠNG III) LÊN GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II)

1. Đối tượng dự thi

Theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT.

2. Điều kiện dự thi

Theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT và quy định chi tiết tại Công văn số 2102/BGDĐT-NGCBQLCSGD. Đối với tiêu chuẩn về văn bằng, chứng chỉ theo quy định, Hội đồng thi chỉ chấp nhận các trường hợp có văn

bằng (hoặc Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng của cơ sở đào tạo), chứng chỉ yêu cầu. Về thời gian giữ ngạch/hạng giảng viên (mã số: 15.111 hoặc V.07.01.03) hoặc tương đương, viên chức dự thi phải có thời gian tối thiểu là 09 năm (đủ 108 tháng) đối với người có bằng thạc sĩ, 06 năm (đủ 72 tháng) đối với người có bằng tiến sĩ; trong đó, thời gian gần nhất giữ ngạch giảng viên, mã số: 15.111 hoặc hạng CDNN giảng viên, mã số: V.07.01.03 tối thiểu là 02 năm (đủ 24 tháng) tính đến hết ngày 30/9/2017 (thời gian giữ ngạch/hạng được tính từ ngày quyết định bổ nhiệm ngạch/hạng có hiệu lực đến hết ngày 30/9/2017).

3. Hình thức, nội dung và thời gian thi

Viên chức dự thi thăng hạng CDNN giảng viên chính (hạng II) năm 2017 phải dự thi đủ các bài thi sau:

3.1. Bài thi kiến thức chung

Theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT.

3.2. Bài thi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ

Theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT.

3.3. Bài thi ngoại ngữ

Theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT.

3.4. Bài thi tin học

3.4.1. Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn CDNN giảng viên chính (hạng II).

3.4.2. Hình thức thi: Thực hành trên máy vi tính.

3.4.3. Thời gian thi: 45 phút.

4. Miễn thi ngoại ngữ trong kỳ thi thăng hạng CDNN giảng viên chính (hạng II)

4.1. Miễn thi ngoại ngữ đối với viên chức thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đã học tập, nghiên cứu toàn thời gian ở nước ngoài và được cấp bằng đại học, bằng thạc sĩ hoặc bằng tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài sử dụng một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trong đào tạo; văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành.

b) Đã có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ thuộc một trong các ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

c) Đã có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 450 điểm, TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL iBT 45 điểm, IELTS 4.5 điểm trở lên. Các chứng chỉ ngoại ngữ nói trên còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến hết ngày 30/9/2017.

2. Điều kiện dự thi

Theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT.

1. Đối tượng dự thi

GIANG VIÊN CAO CẤP (HÀNG I)

II. THI THẠNG HÀNG TỰ GIANG VIÊN CHÍNH (HÀNG II) LÊN

Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố kết quả thi thặng hàng thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức phải có trách nhiệm cử viên chức đã tham dự kỳ thi thặng hàng CDNN năm 2017 tham dự khóa bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn của hàng CDNN dự thi. Trường hợp viên chức được cử đi bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn của hàng CDNN dự thi mà không tham gia khóa bồi dưỡng hoặc kết quả học tập không đạt yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền không bổ nhiệm viên chức vào hàng CDNN tương ứng trong kỳ thi thặng hàng và không bao lưu kết quả kỳ thi đã tham dự.

6. Về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giảng viên chính (hàng II)

- Ban sao văn bản được miễn thi được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực để lưu tại Hội đồng thi.

đồng thi:

- Ban gốc văn bản được miễn thi theo quy định để đối chiếu trực tiếp tại Hội

đồng thi (tại địa điểm thi) minh chứng miễn thi, bao gồm:

5.2. Yêu cầu: Viên chức dự thi thuộc diện được miễn thi tin học phải trình Hội

ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

5.1. Miễn thi tin học đối với viên chức đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên

5. Miễn thi tin học trong kỳ thi thặng hàng CDNN giảng viên chính (hàng II)

quy định tại điểm a mục 4.1).

- Ban sao công nhân văn bản (do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp) được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng) thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định hiện hành, được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực để lưu tại Hội đồng thi (đối với trường hợp miễn thi quy định tại điểm a mục 4.1).

công chứng, chứng thực để lưu tại Hội đồng thi.

- Ban sao văn bản hoặc chứng chỉ được miễn thi được cơ quan có thẩm quyền

trực tiếp tại Hội đồng thi:

- Ban gốc văn bản hoặc chứng chỉ được miễn thi theo quy định để đối chiếu

Hội đồng thi (tại địa điểm thi) minh chứng miễn thi, bao gồm:

4.3. Yêu cầu: Viên chức dự thi thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ phải trình

nước ngoài đang giảng dạy:

miền thi ngoại ngữ tại mục 4.1 phải là ngôn ngữ khác với chuyên ngành ngôn ngữ

4.2. Đối với giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì các quy định

Theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT và quy định chỉ tiết tại Công văn số 2102/BGDĐT-NGCBQLCSGD. Đối với tiêu chuẩn về văn bản, chứng chỉ theo quy định, Hội đồng thi chỉ chấp nhận các trường hợp có văn bản (hoặc Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng của cơ sở đào tạo), chứng chỉ yêu cầu. Về thời gian giữ ngày/hàng có hiệu lực (mã số: 15.110 hoặc V.07.01.02) hoặc trong đơn, thời gian gần nhất giữ ngày/hàng có hiệu lực (mã số: 15.111 (đủ 72 hàng); trong đó, thời gian gần nhất giữ ngày/hàng có hiệu lực (mã số: 15.111 hoặc hàng CDNN giảng viên chính, mã số: V.07.01.02) tới thời hạn là 02 năm (đủ 24 hàng) tính đến hết ngày 30/9/2017 (thời gian giữ ngày/hàng được tính từ ngày quyết định bổ nhiệm ngày/hàng có hiệu lực đến hết ngày 30/9/2017).

3. Hình thức, nội dung và thời gian thi

Viên chức dự thi tham hàng CDNN giảng viên cao cấp (hàng I) năm 2017 phải dự thi đủ các bài thi sau:

3.1. Bài thi kiến thức chung

Theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT.

3.2. Bài thi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ

Theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT.

3.3. Bài thi ngoại ngữ

Theo quy định tại Điều 12 của Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT.

3.4. Bài thi tin học

3.4.1. Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn CDNN giảng viên cao cấp (hàng I).
 3.4.2. Hình thức thi: Thực hành trên máy vi tính.
 3.4.3. Thời gian thi: 45 phút.

4. Miền thi ngoại ngữ trong kỳ thi tham hàng CDNN giảng viên cao cấp (hàng I)

4.1. Miền thi ngoại ngữ đối với viên chức thuộc một trong các trường hợp sau:
 a) Đã học tập, nghiên cứu toàn thời gian ở nước ngoài và được cấp bằng đại học, bằng thạc sĩ hoặc bằng tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài sử dụng một trong các ngôn ngữ Anh, Pháp, Đức, Nga, Nhật, Trung Quốc đã được công nhận theo quy định hiện hành.
 b) Đã có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ thuộc một trong các ngôn ngữ Anh, Pháp, Đức, Nga, Nhật, Trung Quốc.

c) Đã có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 500 điểm, TOEFL CBT 173 điểm, TOEFL IBT 61 điểm, IELTS 5,5 điểm trở lên. Các chứng chỉ ngoại ngữ nói trên còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến hết ngày 30/9/2017.

4.2. Đối với giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì các quy định miễn thi ngoại ngữ tại mục 4.1 phải là ngôn ngữ khác với chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài đang giảng dạy.

4.3. Yêu cầu: Viên chức dự thi thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ phải trình Hội đồng thi (tại địa điểm thi) minh chứng miễn thi, bao gồm:

- Bản gốc văn bằng hoặc chứng chỉ được miễn thi theo quy định để đối chiếu trực tiếp tại Hội đồng thi;

- Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ được miễn thi được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực để lưu tại Hội đồng thi;

- Bản sao công nhận văn bằng (do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp) được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng) thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định hiện hành, được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực để lưu tại Hội đồng thi (đối với trường hợp miễn thi quy định tại điểm a) mục 4.1).

5. Miễn thi tin học trong kỳ thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I)

5.1. Miễn thi tin học đối với viên chức đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

5.2. Yêu cầu: Viên chức dự thi thuộc diện được miễn thi tin học phải trình Hội đồng thi (tại địa điểm thi) minh chứng miễn thi, bao gồm:

- Bản gốc văn bằng được miễn thi theo quy định để đối chiếu trực tiếp tại Hội đồng thi;

- Bản sao văn bằng được miễn thi được cơ quan có thẩm quyền công chứng, chứng thực để lưu tại Hội đồng thi.

6. Về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giảng viên cao cấp (hạng I)

Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố kết quả thi thăng hạng thi cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức phải có trách nhiệm cử viên chức đã tham dự kỳ thi thăng hạng CDNN năm 2017 tham dự khóa bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn của hạng CDNN dự thi. Trường hợp viên chức được cử đi bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn của hạng CDNN dự thi mà không tham gia khóa bồi dưỡng hoặc kết quả học tập không đạt yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền không bổ nhiệm viên chức vào hạng CDNN trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng và không bao lưu kết quả kỳ thi đã tham dự.

III. DỰ KIẾN THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC CÁC KỲ THI THĂNG HẠNG

1. Dự kiến thời gian tổ chức các kỳ thi thăng hạng

Kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp dự kiến tổ chức vào quý IV năm 2017.

2. Dự kiến địa điểm tổ chức các kỳ thi thăng hạng

Dự kiến địa điểm tổ chức các kỳ thi thăng hạng năm 2017 theo thông báo cụ thể tại Công văn số 2102/BGDĐT-NGCBQLCSGD ngày 13/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

IV. THỦ TỤC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG VÀ VIÊN CHỨC DỰ THI THĂNG HẠNG

1. Viên chức đăng ký dự thi

Viên chức có đủ điều kiện đăng ký dự thi phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký dự thi và thực hiện nghiêm túc các quy định của kỳ thi.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cử viên chức dự thi

2.1. Tổ chức rà soát lại toàn bộ danh sách đã gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp năm 2016 và bổ sung đầy đủ các thông tin theo Danh sách được Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp gửi kèm theo Công văn này.

Đối với viên chức giảng dạy dự thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I), đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bổ sung hồ sơ còn thiếu theo thống kê tại danh sách kèm theo (nếu có) để đảm bảo đủ điều kiện theo quy định.

Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV quy định mã số và tiêu chuẩn CDNN viên chức giảng dạy trong các cơ sở GDDH công lập (bao gồm: Đại học quốc gia, đại học vùng, học viện, trường đại học, trường cao đẳng công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân) và được áp dụng đối với viên chức làm công tác giảng dạy trong các cơ sở GDDH công lập và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Tuy nhiên, viên chức giảng dạy tại các trường cao đẳng thuộc quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trừ các trường cao đẳng sư phạm) hiện nay chưa có quy định mã số và tiêu chuẩn riêng. Vì vậy, để kịp thời đảm bảo quyền lợi về chế độ chính sách cho đội ngũ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ đã thống nhất tổ chức thi chung trong kỳ thi năm 2017, đề nghị Quý Cơ quan xin ý kiến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, nếu được đồng ý thì tổng hợp và gửi danh sách viên chức đủ điều kiện dự thi của các trường cao đẳng nói trên về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Văn bản cử viên chức dự thi thăng hạng CDNN sau khi đã rà soát của Bộ, ngành, địa phương gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo phải do người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cấp có thẩm quyền ký, kèm theo danh sách (*theo mẫu đính kèm*) để tổng hợp gửi Bộ Nội vụ thẩm định theo quy định (*Lưu ý: Chỉ gửi danh sách viên chức đủ điều kiện dự thi*).

2.3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ sở GDDH, các trường cao đẳng sư phạm hoàn toàn chịu trách nhiệm về

điều kiện của viên chức tham dự kỳ thi thăng hạng CDNN do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cử dự thi.

2.4. Đối với các trường hợp được miễn thi bài thi ngoại ngữ và tin học, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức rà soát và ghi rõ trường hợp được miễn thi (bằng tốt nghiệp đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài cấp; bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ; chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định đối với trường hợp miễn thi ngoại ngữ hoặc bằng tốt nghiệp (trung cấp/cao đẳng/đại học/thạc sĩ/tiến sĩ) đối với trường hợp miễn thi tin học. Hội đồng thi thăng hạng sẽ tổ chức kiểm tra ban gốc văn bằng (có kèm theo giấy chứng nhận đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành), chứng chỉ nói trên trực tiếp tại điểm thi khi viên chức làm thủ tục dự thi.

Văn bản cử viên chức dự thi thăng hạng CDNN giảng viên chính (hạng II), giảng viên cao cấp (hạng I) và hồ sơ bổ sung của viên chức giảng dạy dự thi thăng hạng CDNN giảng viên cao cấp (hạng I) của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (theo danh sách Bộ Giáo dục và Đào tạo đã rà soát gửi kèm) gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 10/9/2017** (theo dấu bưu điện nơi gửi) theo địa chỉ: Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, tòa nhà 8C, ngõ 30 Tạ Quang Bửu, Hai Bà Trưng, Hà Nội; điện thoại: 04.3623.0603/04.3623.0604. Đề nghị Quý Đơn vị gửi bản mềm dưới dạng file *.xls với phông chữ Times New Roman qua địa chỉ email: ptsbang@moet.edu.vn và trannga@moet.edu.vn. Quá thời hạn nêu trên đơn vị nào không gửi văn bản coi như không có nhu cầu dự thi thăng hạng CDNN năm 2017.


Các cơ sở GDDH, trường cao đẳng sư phạm trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức rà soát theo quy định (tại mục 2, phần IV), gửi công văn kèm theo danh sách về Hội đồng thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo địa chỉ như trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm về điều kiện của viên chức tham dự kỳ thi thăng hạng CDNN do đơn vị cử dự thi.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục) để giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VI, NGCBQLGD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Bùi Văn Ga

Tên Bộ, ngành, địa phương:

Mẫu số 4a

DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN
DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHIỆP NGHIỆP TỪ GIÁNG VIÊN (HẠNG III) LÊN GIÁNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) NĂM 2017
 (Kèm theo Công văn số ngày tháng năm 2017 của

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Cử đề án, công trình khoa học theo quy định	Được miễn thi		Ngoại ngữ đang ký thi	Khối ngành	
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giảng viên	Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II)	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ			
1	Nguyễn Thị A		01.01.1968																
2																			
3																			
...																			

Danh sách này có người

..... ngày tháng năm 2017

Thủ trưởng Bộ, ngành, địa phương
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đề nghị Quý Đơn vị:

- 1) Gửi bản mềm dưới dạng file * xls với phông chữ Times New Roman qua địa chỉ email: ptshang@moet.edu.vn và trangngoc@moet.edu.vn.
- 2) Cột 3,4 đã được định dạng text, đề nghị phân cách ngày tháng năm bằng dấu chấm, cột 6 chỉ ghi tên trường đại học cao đẳng, cột 7 ghi rõ số năm, tháng tính đến hết ngày 30/9/2017
- 3) Cột 11 ghi cụ thể "có", cột 12 ghi cụ thể "có" hoặc "không", cột 13 ghi "đủ" (không để trống hoặc dùng ký hiệu đánh dấu đầu với tất cả các cột này)
- 4) Cột 16, 17 ghi rõ bằng cấp, chứng chỉ được miễn thi (VD: B1/B2/TOEFL PBT 500 điểm/TOEFL CBT 173 điểm Văn bằng 2, TNNN - đối với miễn thi ngoại ngữ, TCCD ĐH TS TS do và miễn thi tin học)
- 5) Cột 18 ghi rõ ngoại ngữ đăng ký thi (Anh/Pháp/Nga/Đức/Trung Quốc).
- 6) Cột 19 ghi khối ngành theo ký hiệu: Khối ngành I, Khối ngành II, Khối ngành III, Khối ngành IV, Khối ngành V, Khối ngành VI, Khối ngành VII trong đó:
 - Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên.
 - Khối ngành II: Nghệ thuật
 - Khối ngành III: Kinh doanh quản lý; Pháp luật
 - Khối ngành IV: Khoa học sự sống, Khoa học tự nhiên.
 - Khối ngành V: Toán và thông kê, Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Sản xuất chế biến, Kiến trúc và xây dựng, Nông lâm và thủy sản, Thú y
 - Khối ngành VI: Sức khỏe.
 - Khối ngành VII: Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Báo chí và thông tin, Dịch vụ xã hội, Khách sạn, du lịch, thể thao và du lịch văn hóa, Dịch vụ văn hóa, Môi trường và bảo vệ môi trường, An ninh - Quốc phòng
- 7) Cột 20 ghi số 1/2/3/4/5/6/7 theo phân chia cum thi tại Công văn số 2102/BGDĐT-NGC/BQLCSGD

Tên Bộ, ngành, địa phương:

Mẫu số 4b

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN
DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) LÊN GIẢNG VIÊN CAO CẤP (HẠNG I) NĂM 2017**
(Kèm theo Công văn số ngày tháng năm 2017 của

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Có đề án, công trình khoa học theo quy định	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Khối ngành	Ghi chú	
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giảng viên	Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên cao cấp (hạng I)	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
1	Nguyễn Thị A		01.01.1968							Có	Có			Đu		INN		I		
2																				
3																				
..																				

Danh sách này có người

....., ngày tháng năm 2017

Thủ trưởng Bộ, ngành, địa phương
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đề nghị Quý Đơn vị:

- 1) Gửi bản mềm dưới dạng file * xls với phông chữ Times New Roman qua địa chỉ email: pishang.ql@moet.edu.vn và tranngoa@moet.edu.vn
- 2) Cột 3,4 đã được định dạng text, đề nghị phân cách ngày tháng năm bằng dấu chấm, cột 6 chỉ ghi tên trường đại học/cao đẳng, cột 7 ghi rõ số năm, tháng (tính đến hết ngày 30/9/2017).
- 3) Cột 11 ghi cụ thể "có", cột 12 ghi cụ thể "có" hoặc "không", cột 15 ghi "đủ" (không để trống hoặc dùng ký hiệu đánh dấu đối với tất cả các cột này)
- 4) Cột 16, 17 ghi rõ bằng cấp, chứng chỉ được miễn thi (VD: B1/B2/TOEFL, PBT 500 điểm/TOEFL CBT 173 điểm; Văn bằng 2, TNNN, đối với miễn thi ngoại ngữ, 10 CDT/ĐH/ST/TS đủ với miễn thi tin học).
- 5) Cột 18 ghi rõ ngoại ngữ đăng ký thi (Anh/Pháp/Nga/Đức/Trung Quốc).
- 6) Cột 19 ghi khối ngành theo ký hiệu: Khối ngành I, Khối ngành II, Khối ngành III, Khối ngành IV, Khối ngành V, Khối ngành VI, Khối ngành VII trong đó:
 - Khối ngành I. Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên.
 - Khối ngành II. Nghệ thuật.
 - Khối ngành III. Kinh doanh quản lý, Pháp luật.
 - Khối ngành IV. Khoa học sự sống, Khoa học tự nhiên.
 - Khối ngành V. Toán và thống kê, Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Sản xuất chế biến; Kiến trúc và xây dựng, Nông lâm và thủy sản; Thú y.
 - Khối ngành VI. Sức khỏe.
 - Khối ngành VII. Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi; Báo chí và thông tin; Dịch vụ xã hội; Khách sạn, du lịch, thể thao và du lịch cá nhân; Dịch vụ văn tại, Môi trường và bảo vệ môi trường; An ninh - Quốc phòng.